TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I

MÔN TOÁN – KHỐI 3

PHIẾU SỐ 7

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số 705 đọc là:

A. Bảy trăm linh năm **B.** Năm trăm linh bảy

C. Bảy trăm năm mươi **D.** Bảy trăm mười lăm

Câu 2. Giá trị của biểu thức 66 − 36 : 6 là:

A. 5 **B.** 70 **C.** 60 **D.** 63

Câu 3. Số lớn là 18, số bé là 6. Hỏi số lớn gấp mấy lần số bé?

A. 3 lần **B.** 24 lần **C.** 4 lần **D.** 12 lần

Câu 4. Phần đã tô màu của hình bên là một phần mấy của hình đó?



A. 1/6 **B.** 1/8 **C.** 1/3 **D.** 1/5

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 9 cm 3 mm = …… mm

A. 12 **B.** 39 **C.** 93 **D.** 903

Câu 6. Khối hộp chữ nhật có bao nhiêu mặt?

A. 8 mặt **B.** 12 mặt **C.** 6 mặt **D.** 4 mặt

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Tính giá trị của biểu thức:

a) 300 + 44 × 5 = ……

b) 98 − 49 : 7 = ……

c) (63 + 35) × 3 = ……

Bài 2. Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) …… × 3 = 21

b) …… : 8 = 17

c) …… + 439 = 689

d) 21 : …… = 7

Bài 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 1/2 của 14 là 7	
b) 33 + 2 × 4 = 41	
c) 4 × 7 = 30	
d) 77 : 8 = 9 (dư 5)	

Bài 4. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 487 + 309 = ……

b) 828 − 450 = ……

c) 140 × 3 = ……

d) 189 : 9 = ……

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 9 trăm, 2 chục, 8 đơn vị viết là: ……

b) Số lớn nhất trong các số 497, 468, 305, 310, 264 là: ……

c) Số bé nhất trong các số trên là: ……

d) Số liền sau của số lớn nhất ấy là: ……

Bài 6. Linh có 3 nhãn vở, Hoa có 18 nhãn vở. Hỏi số nhãn vở của Hoa gấp mấy lần số nhãn vở của Linh?

a) Trả lời: …… lần

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 3 · Phiếu số 7

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	C	A	B	C	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 300 + 44 × 5 = 300 + 220 = 520

b) 98 − 49 : 7 = 98 − 7 = 91

c) (63 + 35) × 3 = 98 × 3 = 294

Bài 2.

a) 21 : 3 = 7

b) 17 × 8 = 136

c) 689 − 439 = 250

d) 21 : 7 = 3

Bài 3.

a) Đ; b) Đ; c) S; d) Đ

Bài 4.

a) 487 + 309 = 796

b) 828 − 450 = 378

c) 140 × 3 = 420

d) 189 : 9 = 21

Bài 5.

a) 928

b) Số lớn nhất là 497

c) Số bé nhất là 264

d) 497 + 1 = 498

Bài 6.

18 : 3 = 6 (lần)